

NGUỒN GỐC TU HÀNH CỦA PHẬT

Giảng tại chùa Việt Nam - Hoa Kỳ, tháng 11- 2000

Thời thuyết pháp hôm nay tôi đặt nặng về sự tu hành nên hơi khô khan. Nhưng chúng ta chịu khó lắng nghe thì sẽ được nhiều lợi ích thiết thực. Căn cứ phẩm thứ nhất trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn Thù hỏi Phật về nguồn gốc tu hành của Thế Tôn. Đức Phật trả lời, vì vậy đề tài hôm nay là Nguồn gốc tu hành của Phật.

Hai vị Bồ-tát luôn bên cạnh đức Phật Thích-ca là Bồ-tát Văn Thù và Bồ-tát Phổ Hiền. Hai vị này để biểu trưng cho hai đức tánh đặc biệt. Bồ-tát Văn Thù biểu trưng cho Căn bản trí. Bồ-tát Phổ Hiền biểu trưng cho Sai biệt trí, đồng thời cũng là hạnh lớn nên gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền.

Căn bản trí là trí sẵn có của tất cả chúng sanh, nhưng vì không nhận biết, không triển khai tròn đủ, nên có cũng như không. Nếu chúng ta khai thác được thì có diệu dụng làm lợi ích chúng sanh không lường được, diệu dụng đó gọi là Sai biệt trí.

Như vậy câu đầu ngài Văn Thù hỏi về “Đường lối tu hành từ ban sơ của đức Phật như thế nào”. Đức Phật trả lời: “Như Lai y cứ viên giác chiếu soi phá tan vô minh”, nghĩa là Phật y cứ tánh viên giác, chiếu soi phá hết vô minh nên thành Phật. Trong kinh Phật thường dạy, tất cả chúng ta đều có sẵn tánh Phật, nhưng vì vô minh che phủ nên không thấy. Muốn thấy được, sử dụng được tánh giác đó thì chúng ta phải đập tan vô minh. Vô minh tan rồi thì tánh giác hiện tiền.

Vì vậy nền tảng hay cội gốc tu hành của đức Phật căn cứ trên tánh giác. Nhờ có giác chúng ta mới phá được vô minh, cũng như nhờ có đèn mới dẹp tan bóng tối. Cho nên muốn dẹp vô minh phải có trí tuệ, trí tuệ là giác. Phá tan vô minh rồi thì trở về được tánh viên giác, tức tánh giác tròn đầy, thì thành Phật. Vậy Phật đâu có xa mình, chúng ta đã có sẵn tánh giác nhưng vì vô minh phiền não che khuất nên không thấy. Giờ dẹp tan lớp che phủ đó thì tánh giác hiện tiền. Như vậy Phật với chúng ta cách nhau bao xa? Chỉ trở bàn tay thôi, mê là vô minh, giác là Phật.

Nhiều vị than tu biết chừng nào thấy đạo, ngộ đạo. Thực ra đạo không xa, chỉ vì mình không can đảm, không dám nhận chân lẽ thật. Vì vậy đạo trở thành cách xa. Vô

minh là cái gì mà mình phải phá? Đức Phật giải thích: “Vô minh nghĩa là mê lầm, chấp thân này là thật mình, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình”.

Chúng ta đầy đủ vô minh, không thiếu chút nào hết. Ai không thấy thân này là thật mình. Ai không thấy cái nghĩ suy hơn thua, phải quấy, tốt xấu là tâm mình. Nhận hai thứ thân tâm là mình tức ta đang ở trong vô minh. Bây giờ muốn phá vô minh đó phải làm sao? Đây là điều hết sức quan trọng. Chúng ta tu mà không biết vô minh là gì, không biết làm sao phá, thì muôn đời cũng không được giác ngộ.

Nếu xét kỹ thân mình, chúng ta thấy có thật là mình chưa? Phân tích sâu thì không có gì thật mình hết. Thân đã không thật mà ngỡ thật mình, không vô minh là gì? Tôi thí dụ, như tay ta lỡ bị thương tích cần phải cắt bỏ, sau khi cắt bác sĩ rập tay của người mới chết vào cho mình. Nếu hoạt động được ta gọi là tay mình, như vậy cái gì thật mình? Chẳng qua mượn đầu này rập đầu kia, vậy mà nói là mình.

Trong kinh kể lại, có người muốn tìm một vị A-la-hán để hỏi đạo. Ông đi qua sa mạc, trời tối tìm được một cái chòi ông liền vào tá túc. Khi đang ở trong chòi, ông bỗng nghe có tiếng đi bên ngoài. Ông mở cửa nhìn thấy con quỷ to tướng vác một thân chết xâm xâm vô nhà, ném xuống sàn đất, đứng thở hào hển, ông hoảng sợ núp vào kẹt cửa. Không lâu sau, có con quỷ thứ hai chạy lại giành nói thân này của tao. Hai đứa cãi nhau, đứa nào cũng nói thân chết của mình. Bất ngờ chúng xây qua, thấy ông đứng trong kẹt vách, liền kéo ra hỏi: Ông thấy ai vác thân này vô trước? Vì là Phật tử không dám nói dối, ông bảo tôi thấy anh thứ nhất này vác thân quăng vô đây. Con quỷ thứ hai tức quá, giựt cái đuôi của ông quăng ra ngoài. Con quỷ thứ nhất thương liền xé cái đuôi của thân chết rập vô cho ông. Con quỷ thứ hai giựt cái đuôi còn lại quăng ra, con quỷ thứ nhất lại xé đuôi của thân chết rập vô. Đến tay cũng thế. Sau đó mệt quá, chúng chia nhau tay chân ông ra ăn hết và bỏ đi.

Ông tự đặt câu hỏi bây giờ mình là gì? Rõ ràng tất cả tay chân của mình bọn quỷ ăn hết rồi, thân này của người khác chứ không phải của mình nữa. Thắc mắc hoài không giải đáp được, ông cố tìm gặp vị A-la-hán để kể lại việc này. Khi gặp vị A-la-hán kể xong, ông hỏi: “Thưa Ngài, cái gì là thân của con?” Vị A-la-hán trả lời “Nếu thấy vậy là ông đã ngộ đạo”.

Chúng ta biết rõ mình không thật, đó là giác. Còn không thật mà chấp là thật đó là mê. Quý vị trong nghề thầy thuốc sẽ thấy rõ điều này. Nếu ráp bộ phận của người này qua người kia mà vẫn sống thì thân này có thật mình không? Thân chúng ta là thân vay mượn tạm bợ, không thật mà cứ chấp là thật. Chấp như thế tức si mê rồi. Nếu thấy đúng lẽ thật, đó là người có trí tuệ, còn thấy sai sự thật là si mê.

Điều này tôi đã nhắc nhiều lần, nhưng vì chúng ta mê lắm nhiều kiếp quá, “thâm căn cố đế” quá, nên nhắc một lần không nhớ, vì vậy nhắc mãi nhắc hoài chúng ta mới nhớ. Như Phật dạy bốn chất đất nước gió lửa hợp lại thành thân này. Thiếu một trong bốn chất ấy thì ta không sống được. Chất cứng trong người là đất, ướt trong người là nước, động trong người là gió, chất ấm trong người là lửa. Bốn thứ tụ lại thành thân rồi, còn phải mượn bốn thứ bên ngoài phụ trợ luôn luôn nó mới tồn tại, nếu không nó sẽ mất.

Như chúng ta ngồi đây, lỗ mũi đang hít thở tức đang mượn không khí. Hít vô là mượn, thở ra là trả. Mượn trả mượn trả đều đặn như vậy thì sống. Khi nào chán không muốn mượn nữa thì chết. Rõ ràng chúng ta sống bằng sự vay mượn chứ không phải sống thực. Một lát mượn tách nước, mượn rồi trả. Mượn bao nhiêu trả bấy nhiêu rất công bình. Ít giờ sau mượn vài ba chén cơm, mượn rồi cũng trả. Như vậy sự sống của chúng ta là sự vay mượn liên tục. Sống bằng vay mượn mà nói thân thật thì có phải trái với lẽ thật không? Nó không thật mà tưởng là thật, không phải vô minh là gì? Cho nên Phật nói chúng sanh vô minh chấp thân tứ đại là thân mình thật. Bây giờ muốn hết vô minh thì luôn thấy thân này là vay mượn, tạm bợ không thật, chứ có khó gì.

Nếu chúng ta thấy thân thật, sẽ chạy theo những đòi hỏi của nó. Nó muốn ăn ngon thì phải tìm đồ ngon. Nó muốn mặc đẹp phải tìm đồ đẹp. Nó muốn gì mình phải chịu theo, mà sự ham muốn thì không có giới hạn, nên chạy theo nó hoài suốt đời cũng không thỏa mãn. Muốn là tham, nếu muốn mà bị ngăn trở thì sân. Như vậy từ si sanh ra tham sân. Bởi vì si mê cái giả mình cho là thật, nên mới khởi tham, tham không được nên nổi sân.

Cả ngày chúng ta bị tham sân si lôi kéo, che phủ nên không thấy được tâm thật của mình. Con mắt tìm sắc đẹp, mũi tìm mùi thơm, lưỡi tìm thức ngon, tai tìm nghe tiếng êm dịu, thân tìm xúc chạm vừa ý. Như vậy từ sớm tới chiều cứ chạy theo nó, lo cung ứng những đòi hỏi của nó, cuối cùng nó cũng bại hoại. Khi bại hoại rồi thì thành một thân thối, chứ có giá trị gì đâu.

Trọn cuộc đời chúng ta lo bồi đắp cho thân này. Bồi đắp đúng những gì nó muốn, nó đòi hỏi, nhưng bồi đắp hoài nó cũng không thỏa mãn, cho nên suốt đời toàn là khổ, không bao giờ được tự tại an vui. Thế mà chúng ta cứ say sưa vun bồi cho nó, có phải là mê hay không? Một sự thực trước mắt mà mình không thấy, ai giành được sự thụ hưởng nhiều liền khen “anh đó khôn quá, làm ra được nhiều của cải...” Nhưng thật ra hưởng nhiều bao nhiêu cuối cùng cũng phải bỏ hết, có đem theo được đâu.

Cho nên thấy đúng như thật về thân thì chúng ta sẽ bớt được rất nhiều phiền lụy. Ngược lại, thấy sai lầm về thân thì tạo không biết bao nhiêu phiền lụy. Nếu chúng ta chịu khó quán sát tường tận như vậy thì việc tu rất dễ, chứ không khó. Sở dĩ chúng ta tu khó tại thấy thân thật. Ví dụ người ăn mặn quen, bảo ăn chay họ chịu không? Ăn chay sợ ốm, nên khó là tại mình chấp thân thật. Bây giờ biết nó tạm bợ, ăn cái gì sống được thôi, không quan trọng. Chúng ta đâu cần tìm kiếm trí tuệ ở phương trời nào, mà chính ngay thân mình thấy đúng như thật là đã sáng, đã có trí tuệ rồi. Đó là chấp về thân.

Đến chấp về tâm. Chúng ta cứ cho cái biết nghĩ suy, phân biệt là tâm mình. Còn cái hằng biết không nghĩ suy mới thực là tâm, ta lại không biết. Tại sao? Vì cái biết nghĩ suy là cái động, cái sanh diệt. Cái gì động, cái gì sanh diệt thì không phải thật. Cái biết nghĩ suy đó thật ra là bóng dáng của sáu trần rơi rớt lại trong tâm ta. Ví dụ, chúng ta ra chợ thấy một người ăn mày cụt chân lê lét đi xin, mình thấy thương nên chú ý. Về nhà được hỏi hôm nay anh (chị) đi chợ thấy gì? Mình sẽ nói thấy người ăn mày cụt chân. Như vậy bóng dáng người ăn mày đã có trong tâm ta rồi. Cho nên mình nhớ lại thì nó hiện ra liền.

Trong nhà Phật dùng từ “pháp trần” để chỉ cho những bóng dáng ấy được chôn vào tàng thức của chúng ta. Như vậy pháp trần chỉ là bóng thôi, chứ đâu phải thật. Từ nhỏ tới lớn, chúng ta chôn rất nhiều bóng dáng như thế. Gặp chuyện vui hoặc chuyện buồn, ta kể cho người thân nghe không biết bao nhiêu lần. Gặp người này kể, gặp người kia kể, kể thôi là kể. Giống hồi còn bé, chúng ta muốn học thuộc lòng thì phải đọc nhiều lần. Đọc tới đọc lui hoài là huân sâu trong tàng thức của mình nên mới thuộc. Đã huân sâu thì lâu lâu nhớ lại, hoặc chỉ cần một chút duyên gợi nhắc thì nó hiện ra liền. Cũng thế, cái vui cái buồn mình kể đi kể lại hoài thì nó chôn sâu trong tàng thức, chạm đến là nhớ liền.

Vì vậy khi ngồi lại niệm Phật hay tọa thiền, những bóng dáng ấy tràn lên, mình bực tức tại sao muốn ngồi yên mà nó lại dấy khởi đủ thứ? Thì tại mình huân sâu nên nó phải hiện thôi. Nếu không muốn nó hiện nữa, mỗi lần nhớ chúng ta phải bỏ đi, không thêm để ý đến nó nữa, tự nhiên nó sẽ lui. Như vậy bóng dáng không thật mà mình cho là tâm mình thật, nên bị nó sai sử. Giả sử ta đang lái xe mà nhớ chuyện này chuyện nọ thành ra không tập trung vào việc lái xe, do đó dễ xảy ra tai nạn. Đó là vì tâm bị vọng tưởng che khuất, đầu óc đầy cứng những suy nghĩ tính toán, chúng sai khiến ta nên mình không thể làm chủ được mình, không thể làm chủ công việc hiện tại.

Thế mà cả đời chúng ta cứ đuổi theo những bóng dáng không thật ấy. Sống ngày này tháng kia cho đến trăm tuổi chỉ một việc ấy. Nếu đuổi theo bóng dáng tốt thì trăm tuổi nó dẫn đi chỗ tốt, đuổi theo bóng dáng xấu thì trăm tuổi nó dẫn đi chỗ xấu. Đuổi theo nó tức là nghiệp. Nghiệp mà ta nhận là mình? Ví dụ ai làm chúng ta vui thì cười nói “Tôi vui quá”. Ai làm chúng ta bực thì nói “Tôi bực quá”. Ai làm chúng ta thương mến thì nói “Tôi thương”. Ai làm chúng ta không ưa thì nói “Tôi ghét”. Như vậy buồn, thương, giận, ghét đều là tôi hết. Cả trăm thứ buồn thương giận ghét lộn xộn thì cái tôi nào là tôi thật? Nếu giận là tôi thì phải giận suốt đời. Nếu thương là tôi thì phải thương suốt đời. Nhưng tâm biến đổi như chong chóng không dừng thì làm sao nói tôi được. Vậy mà ai cũng cho đó là tôi, nên bị nó sai sử liên tục.

Chúng ta tu phải biết tâm phân biệt ấy không thật, hư giả để loại trừ nó. Còn tâm không phân biệt suy nghĩ chính là tâm thật của mình, ta phải nhận và sống được với tâm này mới an vui giải thoát. Vậy tâm ấy ở đâu?

Có những lúc chúng ta ngồi yên không suy nghĩ, đầu óc thư thả, nhưng tiếng chim kêu tai vẫn nghe, người đi qua mắt vẫn thấy, gió thổi mát vẫn biết. Nhưng thử hỏi cái biết đó ra sao, ta không tả được vì nó không có bóng dáng gì hết. Chỉ những gì tới thì biết, qua rồi thì thôi, không lưu lại bóng dáng nào cả. Cái biết này thăm thẳm hiện tiền ở bên trong. Nhưng lâu nay chúng ta cứ nhận cái biết suy nghĩ theo bóng dáng sáu trần là tâm mình nên cái biết chân thật bị che khuất.

Bây giờ chúng ta tu là làm sao trở lại được cái biết hằng hữu của mình. Như lỗi tai lúc nào cũng nghe, con mắt lúc nào cũng thấy. Chính chỗ này, đức Phật đã hỏi ngài A-nan: “Cái thấy có vắng mặt lúc nào không?”. Ngài A-nan thưa: “Khi ngủ không thấy”.

Nếu ngủ không thấy thì tại sao có người mở đèn sáng ta giật mình thức giấc, như vậy là có thấy. Nghe cũng thế, ta đang ngủ nhưng ai gõ cửa mình liền nghe. Như vậy lúc nào cũng có cái hay thấy, hay nghe. Chỉ khác khi thức thì cái thấy cái nghe rõ hơn lúc ngủ, chứ không phải là không.

Cho nên ngài A-nan nói “Khi ngủ không thấy”, thì đức Phật dạy “Chẳng những ngủ mà cả người mù cũng thấy nữa”. Ngài A-nan ngạc nhiên, người mù làm sao thấy. Đức Phật liền đưa thí dụ, như ban đêm trong nhà tối không có đèn, ta đi vào không thấy gì. Người mù ban ngày trời sáng họ cũng không thấy gì. Họ sẽ nói tôi thấy tối đen.

Như vậy thì người có mắt không có đèn thấy tối, người mù cũng thấy tối. Thấy tối tức là có thấy, chứ không phải không thấy. Như khi mở đèn người có mắt thấy sáng, đó là con mắt thấy hay cái đèn thấy? Nếu con mắt thấy thì thấy tối, rồi thấy sáng. Thấy tối cũng thấy, thấy sáng cũng thấy; không đèn nên thấy tối, có đèn nên thấy sáng. Cũng vậy người mù nếu được chữa trị hết bệnh, họ mở con mắt cũng thấy sáng như mình vậy. Nên biết cái thấy đã sẵn trong ta nhưng vì mắt hư nên mình thấy không rõ.

Như vậy chấp thân thật, chấp tâm suy nghĩ thật gốc từ vô minh. Tất cả chúng ta hiện sống đây, có ai thoát khỏi vô minh không? Bởi không thoát khỏi vô minh nên chúng ta phải luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn ra khỏi sanh tử phải phá tan vô minh. Chúng ta biết thân này hư giả, tâm suy nghĩ phải quấy, hơn thua hư giả. Hai thứ hư giả biết hư giả là chúng ta đã sáng rồi. Biết như vậy có khó lắm không? Đâu có gì khó.

Con người do cố chấp mà nảy sanh nhiều chuyện đau khổ. Như trong gia đình, người chồng chấp cái nghĩ của mình đúng, vợ con nghĩ khác thì bực bội không vui, đôi khi dẫn tới ấu đả nữa. Xa hơn trong xã hội, ai cũng chấp cái nghĩ của ta đúng, những cái đúng đó đụng nhau thì sẽ tàn sát nhau. Bây giờ chúng ta biết cái nghĩ của mình không phải chân lý, ta có quyền nghĩ thế này, người khác có quyền nghĩ thế khác, nhờ vậy chúng ta sống thoải mái tự tại, không oán không hờn.

Qua đó để thấy lỗi của chúng ta vì mê lầm chấp chặt đó gây đau khổ cho mình cho người. Nhỏ thì trong gia đình, lớn thì ngoài xã hội, lớn nữa thì quốc gia, thế giới. Vì chấp mà con người sát phạt với nhau không thương xót. Nên người buông được cố chấp là người sáng suốt, dù không ai phong Thánh người ấy cũng đã là Thánh rồi. Bởi không

chấp thân, không chấp tâm thì có gì phiền lụy, không phiền lụy là tự tại trong cõi đời, không vướng mắc, không khổ, chẳng phải Thánh là gì ?

Nên người tu chúng ta chỉ nhận cho đúng hai điều về thân và tâm, đừng làm lẫn là đã giải bao nhiêu khổ đau cho mình và mọi người. Như vậy tu rất là hay, chỉ sợ chúng ta không chịu tu thôi. Biết rõ thân không thật, cái biết ấy là gì? Là trí tuệ, là giác. Nên Phật lấy trí viên giác chiếu phá vô minh. Trí ấy mọi người đều có sẵn, cũng như đèn có sẵn, chỉ cần thắp lên là sáng.

Đạo Phật thực tế vô cùng, nhưng vì chúng ta chưa can đảm nhìn đúng sự thật, cứ nuông chiều theo cái hư giả nên khổ đau. Nếu thức tỉnh, không chấp thân tâm nữa thì chúng ta tự tại giữa cõi đời. Đó là giải thoát khỏi mọi ràng buộc rồi, đâu cần nhờ ai, đâu cần tìm ở đâu xa.

Đức Phật dạy niệm Phật để dẹp hết các lăng xăng lộn xộn trong đầu, niệm tới vô niệm thì thấy Phật Di Đà. Còn người tu Thiền dẹp tâm hư dối vọng tưởng đảo điên, lặng hết những thứ ấy thì được định, chứng A-la-hán vào Niết-bàn. Đức Phật do thấy được gốc mê lầm, nên Ngài dạy chúng ta tu để thoát khỏi cội gốc đó. Nhưng chúng ta lại không thấy chủ đích đó, cứ ước mơ khác đi. Niệm Phật để Phật rước về Cực Lạc cho sung sướng. Còn muốn sung sướng là còn bản ngã, sướng cho bản ngã hưởng. Như vậy là chưa thấy mục đích của Phật dạy.

Tu thiền cũng thế, trọng tâm của Thiền tông là phản quan tức nhìn lại tâm mình. Biết rõ tâm vọng tưởng phân biệt không thật thì nó tự mất, nó mất tức an định. Niệm Phật trì chú cũng để đi tới chỗ nhất tâm, nhất tâm để được an định. Còn tu thiền chỉ thẳng không mượn phương tiện, dùng trí phản quan thấy rõ thân không thật, tâm không thật thì tự nó dừng lặng.

Sở dĩ chúng ta ngồi thiền hay niệm Phật thấy tâm lăng xăng, là vì từ lâu đã huân tập nhiều quá. Bây giờ yên lặng nó dấy khởi lên, chúng ta biết rõ không thật, từ từ sẽ tiêu tan. Cho nên chúng tôi hướng dẫn Phật tử tu, phải nhìn lại các niệm khởi của mình. Nó dấy lên biết là vọng tưởng không thật, quả rớt nó lụn bại, tiêu mòn. Tu như thế là không mượn một pháp nào mà chỉ dùng trí để dẹp, cho nên trong nhà Thiền thường nói “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người”. Như đức Phật dùng trí viên giác chiếu soi vô minh, từ từ nó tan thì trí viên giác hiện tiền.

Tu mà muốn đời sau sung sướng là còn nằm trong luân hồi, tức còn vô minh. Muốn phá luân hồi phải dùng trí tuệ chiếu phá vô minh. Chừng đó không nói giải thoát cũng là giải thoát. Ngược lại cứ chiều theo bản ngã, thì đời đời kiếp kiếp luân hồi hết nơi này đến nơi khác. Có nhiều vị nghĩ rằng, mình luân hồi nhưng được sanh chỗ sung sướng cũng tốt. Giả sử điều đó đúng, người ấy được giàu sang sung sướng, nhưng có một điều rất bình đẳng là khi bệnh khi già khi chết, ai cũng như ai. Sự sung sướng đó chỉ tạm thời, khi tắt thở mọi người đều khổ như nhau.

Chỉ người nào thoát được bốn cái khổ lớn sanh lão bệnh tử mới thật là người hạnh phúc. Biết được chỗ này chúng ta sẽ có cái nhìn khác với thế gian. Thí dụ như cánh tay ta có mụn nhọt đau nhức, lúc đó mình nói mụn nhọt ở cánh tay đau hay mình đau? Thường người ta nói mình đau, rồi rên rĩ đủ thứ. Sự thực chỉ vì mụn nhọt đụng những dây thần kinh nên chỗ đó đau thôi chứ mình đâu có đau. Nhưng người đời hay đồng hóa tất cả là mình hết. Sự thực không phải vậy.

Có một vị Thiên sư bị bệnh, thầy Tri sự đến thăm:

- Bạch Hòa thượng, Hòa thượng bệnh có cái không bệnh chăng?

Thiên sư đáp:

- Có.

- Cái không bệnh nó thế nào?

Ngài nói:

- Ôi da! Ôi da!

Quý vị có thấy cái đó chưa? Cái biết đau nó không đau. Chỗ đau chỉ ở nơi thân phần nhỏ của thân, chứ ta không đau. Nhưng lâu nay mình đồng hóa, đau một chỗ là đau tất cả nên rên rĩ thống khổ.

Khi nhận ra được điều đó rồi, lúc nào đau mình nhìn xem nó đau tới đâu, nhìn một hồi tự nhiên quên đau luôn. Đó là điểm đặc biệt. Do trí giác biết được chỗ đau thì cái biết đó đâu có đau. Hiểu vậy rồi trong cuộc sống này chúng ta đã có một phần tự tại, còn không vừa động tới liền rên la đau quá. Đó là chỗ rất thiết yếu.

Vì chúng sanh lầm chấp thân tứ đại làm thân mình thật, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình thật, nên Phật dùng ba thí dụ để chỉ cho chúng ta biết những thứ đó không phải thật.

Thí dụ thứ nhất, như bốn hướng nếu ta nhìn làm hướng Nam thành hướng Đông thì các hướng khác đều làm hết. Một hướng nhận sai thì các hướng đều sai. Cũng thế, khi nhận làm thân tâm này là thật thì tất cả các thứ khác đều làm hết. Thân mình thật, tâm mình thật thì thân người tâm người cũng thật, tất cả mọi thứ chung quanh đều thật. Đó là ví dụ thứ nhất.

Ví dụ thứ hai, như con mắt bệnh nhìn ra hư không lúc trời nắng thấy có hoa đốm. Như vậy hoa đốm có là từ con mắt bệnh. Nếu con mắt hết bệnh thì hoa đốm cũng không còn. Con mắt bệnh dụ cho nhận định sai lầm về thân tâm này, nên tất cả các thứ khác đều sai lầm hết, cái không có thấy thành có. Đó là ví dụ thứ hai.

Ví dụ thứ ba, như người nằm mộng cũng khóc cũng cười, nhưng thức giấc rồi mộng không còn nữa. Như vậy mộng thật có hay thật không? Nhà Phật dùng từ phi hữu phi vô, không phải có mà cũng không phải không. Không phải có vì thức rồi không còn, không phải không vì lúc mộng thì có, nên mình mới khóc mới cười. Cũng thế, các pháp trên thế gian này đều tạm bợ hư dối, cũng như mộng, không thật có cũng không thật không. Thế nhưng chúng ta làm mê chấp cái gì cũng thật, hoặc cái gì cũng không.

Gặp sự việc gì người ta thường hỏi nhau: “Việc đó có hay không?”, ý nói có thì có thật, không thì không ngờ. Sự vật trên thế gian này không thật có, cũng không thật không. Khi duyên hợp tạm có, duyên tan tạm không, không có gì cố định cả. Chấp như vậy Phật gọi là biên kiến tức thấy một bên, thấy không đúng. Chúng sanh luôn sống trong biên kiến, nên lúc nào cũng thấy hai bên, hoặc chạy bên này hoặc chạy bên kia. Sự thực tâm chúng ta không có hai bên, hai bên chẳng qua là vọng tưởng phân biệt mà ra.

Thiền sư Câu Chi khi được hỏi “Thế nào là Phật?”, Ngài đưa một ngón tay. Hỏi: “Thế nào là pháp?”, Ngài cũng đưa một ngón tay. Hỏi gì cũng đưa một ngón tay thôi, không nói câu nào hết. Như vậy nghĩa là sao? Phật pháp thì không có hai bên, có hai bên thì không phải Phật pháp. Lục Tổ Huệ Năng, lần đầu tiên thuyết pháp cho Thượng tọa Minh, Ngài dạy: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”. Ngay câu đó Thượng tọa Minh liền ngộ đạo.

Nhìn lại cuộc đời chúng ta đang đuổi theo hai bên phải quấy, hơn thua v.v... sống như vậy lại thấy vui. Còn buông cả hai bên xem ra buồn quá. Cái hấp dẫn của thế gian là hấp dẫn của khổ đau, chứ không phải hấp dẫn chân thật. Khi không còn hai bên, chúng ta

vẫn hằng thấy hằng biết, tâm thanh tịnh trong sáng, chứ không tính toán phân biệt hơn thua phải quấy. Đó là cái vui chân thật.

Đức Phật thấy chúng sanh đang chết chìm trong biển mê, Ngài sẵn sàng cứu vớt mà chúng sanh không chịu nghe theo. Nên hình ảnh đức Phật Di Đà đứng duỗi tay, chúng sanh đang lặn ngụp dưới sông dưới biển, nhưng không chịu đưa tay cho Ngài vớt, cứ lặn hụp lặn hụp hoài, thật là đáng thương. Đó là để diễn tả chúng ta ở trong biển mê mà không biết mình mê nên say sưa mãi trong đó.

Phật thương chúng ta mê lắm nên Ngài chỉ dạy để thoát mê lầm, hết mê là hết khổ, còn mê thì còn chìm trong biển khổ. Nhưng chúng ta cứ vui trong cái khổ, chứ không vui trong cái thật. Nhiều người nói “Đi coi hát cải lương cũng vui”, vậy mà gặp mấy cô đào diễn vai thương, khóc lên khóc xuống, họ cũng khóc theo. Đã nói vui sao khóc? Như vậy chúng ta vui lẫn trong cái khổ chứ không thật vui. Bao giờ tâm thanh tịnh, trong sáng mới là vui thật, song chúng ta không biết tìm về cái vui này, cứ tìm vui trong khổ thì không bao giờ hết khổ.

Muốn thoát khổ phải ra ngoài đối đãi hai bên. Cho nên Thượng tọa Minh nghe câu “Không nghĩ thiện không nghĩ ác” tức hai bên, thì bản lai diện mục hiện tiền. Mặt thật xưa nay sẵn có nhưng vì hai bên che khuất đi. Bây giờ không còn hai bên thì nó hiện tiền, giản dị vô cùng.

Tìm kiếm cái gì mà chúng ta chưa bao giờ biết, chưa bao giờ có mới khổ. Còn cái sẵn ở đây, ngay nơi mình mà không chịu tìm, cứ đi tìm đâu đâu rồi than khó. Nghĩ hai bên là ai nghĩ? Mình nghĩ. Vậy bỏ hai bên thì ai bỏ? Mình bỏ. Cho nên tu cốt phải trở lại cái chân thật của chính mình, Cái đó không bị lôi cuốn trong luân hồi sanh tử. Trở về được cái chân thật là ra khỏi sanh tử, là giải thoát, là Phật. Ai cũng có quyền thành Phật nhưng không chịu thành, cứ lạy Phật khóc than “con khổ quá Phật cứu con”. Nỗi khổ đó là tại đa mang, tự mình chuốc lấy chứ Phật đâu có cho, Phật bảo phải bỏ mà.

Chúng ta tỉnh giác biết thân này hư giả, lúc gần chết không còn sợ nữa. Cho nên các Thiền sư sửa soạn chết đều cười. Còn chúng ta gần chết thì khóc, tại vì nhìn không đúng lẽ thật, biết không đúng lẽ thật. Thân đã là duyên hợp thì phải tan. Tại sao khi hợp mình chịu, khi tan lại không chịu? Thế gian kỷ niệm ngày sanh gọi là mừng sinh nhật, tưởng niệm ngày mất gọi là húy kỵ, tức sợ lắm không dám nói tới. Như vậy chúng ta

thích sống, sợ chết. Nhưng luật vô thường phải như thế, không khác hơn được, tại sao chịu sanh lại không chịu tử?

Thế nên Lão giáo đưa ra thuốc trường sanh bất tử để hấp dẫn kẻ tham sống sợ chết, vì vậy người ta thích. Còn đạo Phật dạy tu tới chỗ Niết-bàn là vô sanh, không còn sanh nữa nên không ai ham. Nói trường sanh bất tử nhưng thử tìm xem ngày nay còn ông tiên nào không? Nếu bất tử sao mất, nên biết đó chỉ là nói đùa chơi cho vui vậy thôi. Có thể luyện thuốc linh đơn sống thọ hơn người, chứ không thể sống mãi không chết. Phật bảo có sanh là có tử, muốn hết tử thì phải vô sanh.

Như vậy mới thấy giáo lý đạo Phật rất chân thật, cốt chỉ chúng ta thấy được lẽ thật, sống đúng lẽ thật. Thấy như thật rồi chúng ta sẽ can đảm đứng giữa cuộc biến chuyển của thế sự, không còn không bị khổ đau vì những biến chuyển đó nữa. Đạo Phật không bi quan yếm thế như nhiều người tưởng. Bi quan thì chết đâu có cười được ! Thế nhân sống trong ảo tưởng nhiều quá, tưởng ta hạnh phúc, tưởng đời là vui, dùng một cái hạnh phúc đó mất nên hoảng hốt liều chết. Đạo Phật không như thế, thấy rõ cuộc đời là vậy thì mọi chuyện đổi thay là trò chơi thôi.

Tôi ví dụ gần nhất như hai người nam nữ thương nhau, họ thường thề non hẹn biển, tức dù non mòn biển cạn cũng không đổi thay. Nói nghe oai quá, nhưng nếu một trong hai người bị bệnh phổi nặng hay bị cùi thì non chưa mòn biển chưa cạn mà tình đã mất rồi. Thế gian hay tưởng tượng rồi gạt gẫm nhau mà chơi, không có lẽ thật.

Chúng ta thấy Phật nói tâm vô thường, tùy hoàn cảnh tùy trường hợp nó đổi thay luôn, không dừng chỗ nào hết. Biết như vậy nếu có người mến mình, sau lại không thích, ta cũng cười thôi, có gì đâu mà khổ. Hiểu như vậy rồi, chúng ta sống vững vàng trước cuộc đời, không bị nó lung lay. Như vậy người can đảm là do thấy đúng sự thật. Còn sống trong ảo tưởng là người yếu đuối hay sợ hãi. Đó là lẽ thật.

Trong kinh Viên Giác Phật nói “Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác”, nghĩa là biết huyễn liền lìa, lìa huyễn liền giác. Giác ngộ của đạo Phật không phải phát hào quang, giác ngộ là thấy đúng như thật về con người và các pháp. Con người đã thấy đúng thì tất cả mọi thứ bên ngoài cũng thấy đúng. Ngược lại, con người đã thấy lầm thì tất cả đều lầm hết.

Hiểu vậy, trên đường tu tất cả chúng ta đều phải từ biển mê lên bờ giác, không nên đắm đuối trong biển mê hoài. Còn tưởng tượng, còn mê đắm trong cõi tạm bợ thì chỉ mới tu ngoài da thôi, chứ chưa tu tận xương tủy. Cũng như nhà tối muốn sáng thì phải thắp đèn. Không chịu thắp đèn, cứ đem cái này cái kia quăng vô cho sáng thì thật si mê. Cũng vậy, chúng ta mê nên trầm luân đau khổ, bây giờ muốn thoát ra thì phải giác.

Nên biết mê là trọng tâm của đau khổ, giác là cội nguồn của giải thoát an vui. Hai bên rõ ràng chúng ta tự chọn lấy, không ai bắt buộc mình cả. Người Phật tử sáng suốt cần phải nắm vững điều này để không bị lầm lẫn trên bước đường tu tập của mình.

Hôm nay, tôi nói về nguồn gốc tu hành của đức Phật, chúng ta là đệ tử Ngài, tu theo Ngài thì tự biết phải làm gì, tu như thế nào để không sai lạc con đường đức Phật đã đi, đã thành tựu và hướng dẫn chúng ta cùng đi. Mong tất cả không cô phụ đức Phật cũng như cô phụ chính mình.